

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 03 /2023/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất tại Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 ban hành hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2022 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt



1/10

nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tại Công văn số 07/HĐND-KTNS ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 86/TTr-STC ngày 27 tháng 12 năm 2022, Công văn số 235 /STC-GCS ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 và trên cơ sở ý kiến kết luận của UBND thành phố tại phiên họp UBND thành phố thường kỳ ngày 29 tháng 12 năm 2022 (Thông báo số 11/TB-VP ngày 07 tháng 01 năm 2023 của Văn phòng UBND thành phố).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 ban hành hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2022 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Quyết định này.



Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22. tháng 02 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Trưởng phòng Tài chính - kế hoạch các quận, huyện; Chi cục trưởng Chi cục Thuế các quận, huyện; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ưa*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, TN&MT, XD, TP;
- TVTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TPĐN;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Chánh Văn phòng UBND TP;
- Các Phó Chánh VP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Cục Thuế, KBNN;
- Các Sở, Ban, Ngành, MTTQ, Đoàn thể TP;
- UBND các quận, huyện;
- Công thông tin điện tử TPĐN;
- Văn phòng UBND TP;
- Lưu: VT, STC. *#514*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Ưa
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ưa
Hồ Kỳ Minh

Phụ lục I

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI ĐÔ THỊ (BỔ SUNG VỊ TRÍ 2 ĐẾN VỊ TRÍ 5)

(Kèm theo Quyết định số: 03 /2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên đường phố	Hệ số điều chỉnh giá đất											
		Đất ở				Đất thương mại dịch vụ				Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ			
		VT 2	VT 3	VT 4	VT 5	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
I	QUẬN HẢI CHÂU												
1	Huy Cận												
	- Đoạn từ Tiên Sơn 10 đến Huỳnh Tấn Phát	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Trịnh Công Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Thanh Hải	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Bình An 7												
	- Đoạn 5,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
	- Đoạn 7,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Độc Ngừ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Trần Phú												
	- Đoạn 02 bên đường sắt hầm chui đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	QUẬN LIÊN CHIÊU												
1	Hòa Nam 15	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đặng Huy Tá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Nguyễn Bình	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Gò Nây 9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Phú Xuân 9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Huỳnh Thị Bảo Hòa												
	- Đoạn 7,5	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
	- Đoạn 5,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Trà Na 1	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	QUẬN THANH KHÊ												
1	Nguyễn Thanh Năm	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
2	Nguyễn Công Hãng	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
3	Phạm Ngọc Mậu												
	- Đoạn đường 5,5m	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
	- Đoạn đường 7,5m	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1



Handwritten signature or mark.

Phụ lục II

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số: 03 /2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên đường phố	Hệ số điều chỉnh giá đất														
		Đất ở					Đất thương mại dịch vụ					Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5	VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5	VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
I	XÃ HÒA NHƠN															
1	Đường ĐH 2															
	- Đoạn từ cầu Giảng đến tiếp giáp Khu Tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2	1,0					1,0					1,0				
	- Đoạn (đường quy hoạch 10,5m) thuộc Khu Tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2	1,0					1,0					1,0				
	- Đoạn từ hết Khu Tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 đi Cầu Tây	1,0					1,0					1,0				
	- Đoạn từ cầu Tây đến giáp Hòa Sơn	1,1					1,1					1,1				

7/11

Phụ lục III

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CHƯA ĐẶT TÊN TRONG CÁC KHU DÂN CƯ

(Kèm theo Quyết định số: 03 /2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên đường phố	Hệ số điều chỉnh giá đất														
		Đất ở					Đất thương mại, dịch vụ					Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5	VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5	VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
I	QUẬN HẢI CHÂU															
1	Khu dân cư thuộc phường Hòa Thuận Tây và phường Thạc Gián															
	- Đường 7,5m (nối từ Nguyễn Phi Khanh đến Nguyễn Văn Linh) thuộc khu vực dự án Trạm trung chuyển bến xe buýt nhanh BRT Đà Nẵng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các khu dân cư phía đông đường 2/9 thuộc địa bàn phường Hòa Cường Bắc, Hòa Cường Nam															
	- Đường 15m (Bạch Đằng nối dài)	1,0					1,0					1,0				
II	QUẬN THANH KHÊ															
1	Khu dân cư Lê Đình Lý															
	- Đường 5,5m	1,0					1,0					1,0				
	- Đường 7,5m	1,0					1,0					1,0				
2	Khu dân cư 223 Trường Chinh															
	- Đường 5,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đường 10,5m	1,1					1,1					1,1				
3	Khu dân cư phường Thạc Gián															
	- Đường 5,5m nối từ đường Phan Thanh đến đường Tân Đà	1,0					1,0					1,0				
III	QUẬN NGŨ HÀNH SƠN															
1	Khu dân cư dự án Saphia															
	- Đường 7,5m	1,2					1,2					1,2				
	- Đường 10,5m	1,2					1,2					1,2				
2	Khu tái định cư chợ và khu phố chợ Khuê Mỹ															
	- Đường 5,5m	1,0					1,0					1,0				
3	Mở rộng KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò về phía Đông, phường Hòa Hải (dự án Hoàng Trà)															
	- Đường 5,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đường 7,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đường 10,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đường 15m	1,1					1,1					1,1				
4	Mở rộng KĐT biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể sông nước, phường Hòa Quý															
	- Đường 5,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đường 7,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đường 10,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đường 15m	1,1					1,1					1,1				

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Thư

STT	Tên đường phố	Hệ số điều chỉnh giá đất														
		Đất ở					Đất thương mại, dịch vụ					Đất sản xuất, kinh doanh phi công nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5	VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5	VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
5	Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Mỹ An															
	- Đường 10,5m nối từ Lê Quang Đạo đến An Thượng 17 (nối dài Đỗ Bá)	1,1					1,1					1,1				
IV	QUẬN CẨM LỆ															
1	Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Hòa Thọ Tây															
	- Đường 10,5m	1,2					1,2					1,2				
2	Khu dân cư mới phường Khuê Trung															
	- Đường 3,5m	1,0					1,0					1,0				
V	HUYỆN HÒA VANG															
1	Khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2															
	- Đường 5,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đường 7,5m	1,1					1,1					1,1				

Handwritten signature